

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 38/2022/DS-ST

Ngày: 15-8-2022

V/v: “*Tranh chấp chia tài sản thuộc sở
hữu chung và chia di sản thừa kế*”.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Kim Chung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thức, ông Y Dhiệu Hmok.

- Thư ký phiên tòa: Y Sơ Mi Niê Kđăm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 15-8-2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 52/2022/TLST-DS, ngày 06-4-2022 về việc “*Tranh chấp chia tài sản thuộc sở hữu chung và chia di sản thừa kế*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2022/QĐXX-ST ngày 08/7/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2022/QĐST-DS ngày 26/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Cụ Phạm Thị N, sinh năm 1953; địa chỉ: Số 190 H, tổ dân phố Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- Bị đơn: Bà Hồ Thị C, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 03 T, tổ dân phố 4, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hồ Thị Tr, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

2. Bà Hồ Thị Kim H, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn Ea T, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

3. Ông Hồ Văn T, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp S, thành phố B, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

4. Anh Hồ Văn Trsinh năm 1984; địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

5. Anh Hồ Văn N, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

6. Chị Hồ Thị Tây T, sinh năm 1991; địa chỉ: Số 96 Nguyễn Tất T, tổ dân phố 7, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn cụ Phạm Thị N trình bày: Cụ bà Phạm Thị N và cụ ông Hồ Văn L là vợ chồng, hai cụ có 7 người con là Hồ Thị Tr, Hồ Thị Kim H, Hồ Thị C, Hồ Văn T, Hồ Văn Tr, Hồ Văn N và Hồ Thị Tây T. Ngày 08/3/2017 vì lâm bệnh nặng nên cụ ông qua đời không để lại di chúc; cha mẹ của cụ L chết trước cụ L và cụ cũng không có cha, mẹ nuôi, con nuôi. Cụ N và cụ L có tài sản chung là thửa đất số 77, tờ bản đồ số 04, diện tích 473m², có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 973428 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 10/5/2006 mang tên hộ ông Hồ Văn L và bà Phạm Thị N, địa chỉ thửa đất thôn Đ, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk), trên đất có 01 căn nhà xây cấp bốn, diện tích khoảng 140m².

Sau khi cụ L chết, cụ N có liên hệ với cơ quan chức năng để mở hồ sơ thừa kế đối với tài sản chung của chúng tôi để đảm bảo quyền lợi của bản thân và các con trong gia đình. Cụ N và các con cũng đã thống nhất là mở hồ sơ thừa kế theo pháp luật vì cụ L chết không để lại di chúc; các con cũng thống nhất là đồng ý tặng cho lại phần di sản mà các con được hưởng của cụ L qua cho cụ N. Tuy nhiên, trong 7 người con thì con gái là Hồ Thị C không thể hiện ý chí nhận hay từ chối phần tài sản được hưởng thừa kế của cụ L. cụ N và các con là Hồ Thị Tr, Hồ Thị H, Hồ Văn T, Hồ Văn Tr, Hồ Văn N và Hồ Thị Tây T cũng liên hệ gặp để trao đổi, lấy ý kiến và mời bà C đến phòng công chứng để mở thừa kế nhưng bà C không thiện chí và đoạn tuyệt quan hệ với mẹ cùng anh em trong gia đình.

Nay cụ N yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế của cụ L theo quy định của pháp luật.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hồ Thị Tr, Hồ Văn Tr, Hồ Văn Ng, Hồ Thị Tây T có cùng ý kiến trình bày có nội dung: Thống nhất như lời trình bày của cụ Phạm Thị N về mối quan hệ gia đình và nguồn gốc tài sản. Trước khi chết cụ L không để lại di chúc, không để lại nghĩa vụ tài sản mà những người nhận thừa kế phải thực hiện, nên đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của cụ N, phân chia di sản cho Hồ Thị Tr, Hồ Văn Tr, Hồ Văn N, Hồ Thị Tây T từ chối nhận, việc từ chối là hoàn toàn tự nguyện và đồng ý tặng cho phần di sản mà chúng tôi được hưởng của cụ L cho mẹ chúng tôi là cụ Phạm Thị N và không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại văn bản từ chối nhận di sản thừa kế của bà Hồ Thị Kim H và ông Hồ Văn T được Văn phòng công chứng Phạm Đình T công chứng số 3886 và 3887 cùng ngày 21/4/2022 có nội dung cơ bản như sau: Bà H và ông T là con ruột và là người thừa kế theo pháp luật của cụ Hồ Văn L chết ngày 08/3/2017. Trước khi chết cụ L không để lại di chúc, không để lại nghĩa vụ tài sản mà những người nhận thừa kế phải thực hiện. Di sản thừa kế là một phần quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 77, tờ bản đồ số 04, diện tích 473m², có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AĐ 973428 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 10/5/2006 mang tên hộ ông Hồ Văn L và bà Phạm Thị N. địa chỉ thửa đất thôn Đ, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk), trên đất có 01 căn nhà xây cấp bốn, diện tích khoảng 140m². Bà H và ông T tự nguyện từ chối nhận phần di sản được hưởng của mình để các đồng thừa kế khác được toàn quyền khai nhận, thỏa thuận, phân chia và tặng cho theo quy định của pháp luật. Việc lập văn bản từ chối nhận di sản thừa kế không nhằm trốn tránh trách nhiệm dân sự nào.

Bị đơn bà Hồ Thị C mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, việc bà C không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện là tự tước đi của mình quyền, lợi ích hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, bà C phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình và Tòa án giải quyết vụ án trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật. Đối với bị đơn mặc dù đã được toà án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc Toà án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án:* Ngày 21-3-2022 cụ Phạm Thị N nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, ngày 28-3-2022, Tòa án nhân dân thị xã B ban hành thông báo sửa chữa, bổ sung đơn khởi kiện; cùng ngày cụ N bổ sung đơn khởi

kiện cùng tài liệu chứng cứ kèm theo và đơn xin miễn giảm án phí; ngày 06-4-2022 Tòa án thụ lý vụ án theo quy định tại Điều 191, Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Đây là quan hệ pháp luật “*tranh chấp chia tài sản thuộc sở hữu chung và chia di sản thừa kế*” theo quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa, bà Hồ Thị C vắng mặt. Do vậy HĐXX xét xử vắng mặt là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định: Di sản thừa kế là một phần quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 77, tờ bản đồ số 04, diện tích 473m², có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AĐ 973428 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 10/5/2006 mang tên hộ ông Hồ Văn L và bà Phạm Thị N trên đất có 01 nhà xây cấp IV, xây năm 2006, diện tích 138,5m² và công trình phụ. Nguồn gốc của di sản nói trên là tài sản chung của cụ N và cụ L được nhận chuyển cho. Cụ L (chết ngày 08/3/2017) có 07 người con chung với cụ N gồm: Hồ Thị Tr, Hồ Thị Kim H, Hồ Thị C, Hồ Văn T, Hồ Văn Tr, Hồ Văn N và Hồ Thị Tây T. Cụ L chết không lập di chúc. Cụ N yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ L theo pháp luật. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự, thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Thời điểm mở thừa kế đối với di sản của cụ L là ngày 08/3/2017, nên yêu cầu của cụ N phù hợp với quy định pháp luật.

[4.1] Hàng thừa kế thứ nhất của cụ L được xác định gồm 08 người là: Vợ là Phạm Thị N và các người con là Hồ Thị Tr, Hồ Thị Kim H, Hồ Thị C, Hồ Văn T, Hồ Văn Tr, Hồ Văn N và Hồ Thị Tây T được hưởng phần di sản bằng nhau theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 651 Bộ luật dân sự.

[4.2] Xét lời trình bày của Hồ Thị Tr, Hồ Thị Kim H, Hồ Văn T, Hồ Văn Tr, Hồ Văn N và Hồ Thị Tây T về việc từ chối nhận và giao toàn bộ kỷ phần được chia thừa kế cho cụ Phạm Thị N sở hữu, ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Đây là sự tự nguyện phù hợp với Điều 620 Bộ luật dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Ngày 21/6/2022, Hội đồng định giá tài sản đã xác định giá trị đất theo giá thị trường là 1.737.000.000 đồng, giá trị sân phơi bê tông 103m² là 3.543.200 đồng, 01 nhà xây cấp IV tại thời điểm định giá không còn giá trị sử dụng (hết khấu hao). Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng cụ Hồ Văn L, cụ Phạm Thị N là 1.740.543.200 đồng. Phần di sản thừa kế của cụ L là 870.271.600 đồng chia 8 kỷ phần, mỗi kỷ phần được nhận là 108.783.950 đồng.

[6] Cụ Phạm Thị N được chia tài sản chung cùng 01 kỷ phần thừa kế và nhận 06 kỷ phần thừa kế được tặng cho nên giao toàn bộ tài sản cho cụ Phạm Thị N sở hữu. Cụ

Phạm Thị N có nghĩa vụ thanh toán kỷ phần thừa kế cho bà Hồ Thị C là 108.783.950 đồng.

[7] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, cần chấp nhận.

[8] Về chi phí xem xét thẩm định giá tài sản: Nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 2.500.000 đồng, chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản số tiền là 2.500.000 đồng, nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí này và đã chi phí xong.

[9] Về án phí: Miễn toàn bộ án phí cho cụ Phạm Thị N vì là người cao tuổi, bà Hồ Thị C phải chịu 5% án phí trên kỷ phần tài sản được chia.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 157; Điều 165; Điều 227; Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các Điều 213, 219, 609, 610, 611, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự.

Tuyên xử:

1. Xác định thửa đất số 77, tờ bản đồ số 04, diện tích 473m², có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 973428 do Ủy ban nhân dân huyện Krông Buk cấp ngày 10/5/2006, trên đất có 01 nhà xây cấp IV diện tích 138,53m², sân phơi bê tông 103m² có giá trị 1.740.543.200 đồng là tài sản thuộc sở hữu chung vợ chồng cụ Hồ Văn L và cụ Phạm Thị N.

2. Tài sản của cụ Hồ Văn L có giá trị 870.271.600 đồng, được thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất là cụ Phạm Thị N, bà Hồ Thị Tr, bà Hồ Thị Kim H, bà Hồ Thị C, ông Hồ Văn T, anh Hồ Văn Tr, anh Hồ Văn N và chị Hồ Thị Tây T và chia bằng giá trị mỗi kỷ phần được nhận 108.783.950 đồng.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hồ Thị Tr, bà Hồ Thị Kim H, ông Hồ Văn T, anh Hồ Văn Tr, anh Hồ Văn N và chị Hồ Thị Tây T giao kỷ phần thừa kế được chia cho cụ Phạm Thị N.

4. Giao cho cụ Phạm Thị N được sở hữu 01 nhà xây cấp IV diện tích 138,53m², sân phơi bê tông 103m² trên thửa đất số 77, tờ bản đồ số 04, diện tích 473m², có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 973428 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 10/5/2006 mang tên hộ ông Hồ Văn L và bà Phạm Thị N, địa chỉ thửa đất thôn Đ, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk).

5. Buộc cụ Phạm Thị N có nghĩa vụ thanh toán kỷ phần thừa kế tài sản của cụ Hồ Văn L cho bà Hồ Thị C số tiền 108.783.950 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

6. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản là 2.500.000 đồng, cụ Phạm Thị N tự nguyện chịu chi phí này (đã chi phí xong), được khấu trừ số tiền 2.500.000 đồng đã tạm ứng.

7. Về án phí: Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho cụ Phạm Thị N vì là người cao tuổi.

Bà Hồ Thị C phải chịu 5.439.197 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

8. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thị xã;
- CCTHADS thị xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trương Kim Chung

